TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **117**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/04/2024
V/v "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**
+ Ông **Châu Văn Bình**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Cao Thị Thùy Trang -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Thành Khánh Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Anh **Lê Trọng H** - sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BN, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

*<u>*Bị đơn:*</u> Chị **Hồ Thu T** – sinh năm: 1984; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BPQ, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo,Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Trọng H trình bày: anh và chị T sống chung năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHP. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Anh và chị T ly thân từ tháng 08/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 02 cháu tên Lê A, sinh ngày 24/05/2011 và Lê B, sinh ngày 30/09/2019 hiện đang sống với chị T. Ly hôn, cháu A có nguyện vọng sống với chị T nên anh đồng ý chị T nuôi dưỡng cháu A. Anh yêu cầu nuôi cháu B và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn chị Hồ Thu T trình bày: Về tình cảm: chị và anh H sống chung năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHP. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: có hai cháu tên Lê A, sinh ngày 24/05/2011 và Lê B, sinh ngày 30/09/2019 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Về tình cảm: anh H được ly hôn với chị T. Về con chung: giao cháu Lê A, sinh ngày 24/05/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc; giao cháu Lê B, sinh ngày 30/9/2019 cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết và nợ chung, nợ riêng không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lê Trọng H và chị Hồ Thu T sống chung năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHP nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị T và chị T hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

[3] Xét nội dung đơn yêu cầu ly hôn của anh Lê Trọng H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: anh H yêu cầu ly hôn với chị T. Nguyên nhân ly hôn anh H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Anh H và chị T đã ly thân từ tháng 08 năm 2023 đến nay, không còn sống chung nữa. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở. Chị T đồng ý ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: có hai cháu tên Lê A, sinh ngày 24/05/2011 và Lê B, sinh ngày 30/09/2019. Hiện tại hai cháu đang sống với chị T. Ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi cháu B, đồng ý chị T nuôi cháu A. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu.

Xét thấy, tại bản tự khai cháu A có nguyện vọng sống với mẹ, anh H cũng đồng ý để cháu sống với chị T nên tiếp tục giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Đối với cháu B: anh H, chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng, xét về điều kiện kinh tế của anh H, chị T là tương đương, anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, hiện tại chị T và hai con đang ở nhà thuê. Mức thu nhập hàng tháng của chị T tầm khoảng 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, trong khi đó, chị phải thanh toán tiền nhà trọ và chi phí sinh hoạt cho ba mẹ con. Tại phiên tòa, chị T trình bày: sáng chị đưa bé B đến trường, thời gian cháu A học ở trường là buổi chiều, buổi sáng chị đưa cháu đi học thêm, vào cơ quan làm việc, đến giờ chị xin phép đi rước cháu, về nhà trọ cho cháu ăn uống, nghỉ ngơi và tiếp tục đến cơ quan làm việc. Cháu A ở nhà một mình đến khi chị về buổi trưa, chiều đưa cháu đến trường. Như vậy, thời gian để chị T vừa chăm sóc con vừa đảm bảo công việc sẽ khó khăn. Đối với anh H hiện là giáo viên dạy bộ môn, đang công tác tại trường Trung học cơ sở, thời gian anh lên lớp giảng dạy linh hoạt và anh có chổ ở ổn định nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa rước con đi học sẽ thuận lợi hơn chị T. Bên cạnh đó, chị T trình bày chị cũng đồng ý giao một con chung cho anh H nuôi dưỡng, cụ thể giao cháu A nhưng cháu không muốn sống với ba. Từ khi chị T và anh H ly thân vào tháng 08/2023 đến nay, chị T đã thay đổi nơi ở nhiều lần nhưng không cho anh H biết địa chỉ của chị và các con nên việc thăm nom các con đối với anh H rất khó khăn, anh chỉ đến trường học để thăm con. Do đó, nhằm tạo điều kiện cho các cháu được chăm sóc và phát triển tốt nhất nên anh H yêu cầu nuôi cháu B là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về vấn đề cấp dưỡng: anh H, chị T không yêu cầu nên anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Về tài sản chung: anh H, chị T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung, nợ riêng: anh H, chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Trọng H.

- Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng H và chị Hồ Thu T.

- Về con chung: Giao cháu Lê A, sinh ngày 24/05/2011 cho chị Hồ Thu T chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Lê B, sinh ngày 30/09/2019 cho anh Lê Trọng H chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: anh Lê Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007216 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã ĐHP;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô, án văn;

Phan Thị Cẩm Tiên